

# TRUYỆN CỔ VIỆT NAM - TÍNH LỊCH SỬ VÀ CÁCH XÂY DỰNG NHÂN VẬT

Nguyễn Thị Oanh\*

Nhận bài: 18/07/2021; Nhận kết quả bình duyệt: 28/07/2021; Chấp nhận đăng: 08/08/2021

© 2021 Trường Đại học Thăng Long.

## Tóm tắt

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu gồm phương pháp loại hình, thống kê, phân loại, nghiên cứu so sánh, nghiên cứu liên ngành để làm sáng tỏ vấn đề lịch sử trong truyện cổ và truyện cổ trong lịch sử ở Việt Nam và các nước trong khối khu vực văn hóa chữ Hán như Trung Quốc và Nhật Bản. Thông qua nhân vật anh hùng chống thảm họa tự nhiên và nhân vật trong truyện cổ chống giặc ngoại xâm từ một số tư liệu Hán Nôm mà trọng tâm là sách *Lĩnh Nam chích quái*, bài viết đã làm sáng tỏ cách xây dựng nhân vật trong truyện cổ thường gắn liền với việc tôn vinh những giá trị lịch sử của dân tộc và bằng niềm tin thiêng liêng.

**Từ khóa:** *Truyện cổ; Lịch sử; Văn hóa; Văn học dân gian; Lĩnh Nam chích quái*

## 1. Mở đầu

Việt Nam là nước có vị trí địa lý liền kề với Trung Quốc, từ rất sớm người Việt Nam đã tiếp xúc với chữ Hán. Vào thế kỷ thứ X, sau khi giành độc lập từ triều đại phong kiến phương Bắc, người Việt Nam tiếp tục sử dụng chữ Hán làm công cụ ghi chép để bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc. Qua mười thế kỷ sử dụng chữ Hán, chữ Nôm, một số lượng lớn tư liệu văn học viết bằng chữ Hán và chữ Nôm như truyện cổ, truyền thuyết, truyền kỳ, truyện ký ... trong dòng văn học dân tộc vẫn được bảo tồn và khai thác cho tới tận ngày nay.

Khởi nguồn của truyện cổ Việt Nam<sup>1</sup> bắt đầu từ việc sưu tầm ghi chép truyện kể trong dân gian như Vũ Quỳnh đã ghi trong lời tựa sách *Lĩnh Nam chích quái*: “Từ thời Xuân thu, Chiến quốc trở về trước cách thời cổ không xa, phong tục nước Nam còn giản dị, chưa có sử sách để ghi lại việc thực nên nhiều truyện cổ bị mất đi, may còn truyện nào không mất là do dân gian truyền miệng. Từ các đời Lương Hán, Tam Quốc, Đông Tây Tấn, Nam Bắc Triều cho đến Đường, Tống, Nguyên, Minh, mới có sử truyện để ghi chép các việc như: *Lĩnh Nam chí* đến *Giao Quảng chí*, *An Nam chí lược* ghi chép các truyện rõ ràng có thể tham khảo được. Nhưng nước Việt ta là đất

\* Viện Nghiên cứu Nhận thức và Giáo dục Thăng Long (TICES), Trường Đại học Thăng Long

hoang dã nên việc ghi chép vẫn còn sơ lược”.

Việc hình thành dòng văn học chữ Hán ở Việt Nam là sự hồi thức nội tại của nền văn học Việt Nam, đồng thời cũng cho thấy sự giao lưu, ảnh hưởng của văn hóa, văn học từ Trung Quốc. Các tác phẩm *Sưu thần ký*<sup>ii</sup> đời Tấn, *U quái lục*<sup>iii</sup> đời Đường từ rất sớm cũng đã được người Việt Nam biết đến. Như Vũ Quỳnh viết trong *Lời tựa*: “So với *Sưu thần ký* đời Tấn, *U quái lục* đời Đường cũng giống như vậy cả” cho thấy truyện cổ của Việt Nam ít nhiều chịu ảnh hưởng của truyện chí quái, truyền kỳ và truyện kể Phật giáo Trung Quốc.

Từ thế kỷ thứ XI, sau khi giành độc lập, để khẳng định quốc thống dài lâu của dân tộc, khẳng định chủ quyền độc lập và lịch sử văn hóa lâu đời của đất nước, vương triều Lý-Trần đã cho sưu tầm và ghi chép truyền thuyết và truyện kể dân gian; biên tập các bộ sử và sáng tác văn học. Các tác phẩm ra đời vào thời Lý-Trần (thế kỷ XI-XIV) như *Thiền uyển tập anh*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Việt điện u linh*,... được hình thành từ cảm hứng lịch sử và niềm tin tôn giáo. Nói như Vũ Quỳnh: “Nước ta bắt đầu từ thời Hùng Vương, văn minh dần qua các đời Triệu, Ngô, [Đinh], Lê, [Lý], Trần, đến nay đã có quy củ, khảo qua bỗ sử có thể biết rõ. Những truyện ở đây là sử trong truyện cổ chẳng”.

Sang thế kỷ XV, khi bộ chính sử *Đại Việt sử ký toàn thư* được Ngô Sĩ Liên hiệu chỉnh và biên soạn lại từ cuốn *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu và *Sử ký tục biên* của Phan Phu Tiên, lần đầu tiên lịch sử họ Hồng Bàng đến hết đời An Dương Vương còn mang tính chất nửa hư nửa thực đã được đưa vào phần Ngoại kỷ.

Như vậy, truyện cổ có tính lịch sử và trong

sách sử cũng có truyện cổ được coi như là một phần của lịch sử. Tuy nhiên, từ trước tới nay các nhà nghiên cứu lịch sử thường cho rằng các truyền thuyết ghi trong sách sử không đáng tin cậy. Sử liệu và truyền thuyết có quan hệ thế nào là vấn đề đã được các nhà nghiên cứu đi trước tốn không biết bao giấy mực để luận bàn. Trên cơ sở kế thừa thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước, bài viết muốn làm sáng tỏ thêm vấn đề lịch sử trong truyền thuyết và truyền thuyết trong lịch sử, tiếp đó bàn về sự hình thành truyện cổ Việt Nam thông qua cách xây dựng nhân vật anh hùng từ một số tư liệu hiện lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

## 2. Lịch sử trong truyện cổ và truyện cổ trong lịch sử

### 2.1. Lịch sử trong truyện cổ

Vào thế kỷ XI, nhà nước phong kiến từ thời Lý đến thời Trần (thế kỷ XI-XV) đã cho sưu tầm kho tàng truyền thuyết và truyện kể trong dân gian để biên soạn các sách như *Việt điện u linh*, *Thiền uyển tập anh*, *Lĩnh Nam chích quái*...

Nếu *Việt điện u linh* chủ yếu ghi chép về truyền thuyết các nhân vật lịch sử; *Thiền uyển tập anh* “nói về các vị thiền sư Việt Nam” [17], thì đề tài và nội dung của *Lĩnh Nam chích quái* đã rộng lớn hơn, bao gồm truyện về những người anh hùng dân tộc, truyện về phong tục, các mối bang giao và truyện về tôn giáo. Từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX, truyện về các nhân vật lịch sử tiếp tục là đề tài lôi cuốn các nhà văn như *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề; *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ; *Tang thương ngẫu lục* của Nguyễn Án; *Lan Trì kiến văn lục* của Vũ Trinh; *Vân nang tiểu sử* của

Phạm Đình Dục... và các thần tích được biên soạn chủ yếu vào thời Nguyễn.

Bàn về tính lịch sử trong truyền thuyết, các nhà nghiên cứu đi trước cho rằng truyền thuyết Việt Nam có “tính lịch sử”. Như [11] đã nhận định rằng<sup>iv</sup>, “Giống với nhiều nước khác trong khu vực, truyện cổ Việt Nam hình thành trong quá trình tự phân biệt mình với chính sử, bất luận tác giả hay nhà nghiên cứu hồi bấy giờ có ý thức được điều đó hay không. Ngay từ đầu, truyện cổ đã được xây dựng không phải trong tinh thần nhất nhất đều lệ thuộc trông chờ vào chính sử, mà là “một bổ sung cho chính sử”, dựa vào kinh nghiệm cá nhân và phần nào hư cấu tự do nảy sinh trên cơ sở kinh nghiệm ấy của người sáng tác”.

Nhà nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam Bùi Quang Thanh cũng cho rằng: “Có thể nói rằng, không có một thể tài nào trong văn học dân gian lại có tính lịch sử đậm đà và sắc nét như ở truyền thuyết. Nhờ vậy mà truyền thuyết Việt Nam đã trình được một cách đầy đủ, sinh động về lịch sử dân tộc ta” [19]. Thậm chí có nhà nghiên cứu đã cho rằng giá trị sử liệu trong truyền thuyết chính là việc phản ánh các sự kiện và nhân vật lịch sử có thật [1] (trang 60). Một trong 6 loại sử liệu mà các nhà nghiên cứu sử học đã đưa ra là: sử liệu vật chất, sử liệu dân tộc học, sử liệu truyền miệng và sử liệu thành văn, trong đó sử liệu truyền miệng cũng cần được xem xét “độ xác thực của kênh thông tin” và “độ tin cậy của nội dung thông tin. Về điều này, John Tosh đã nhận định “phải tìm được xuất xứ của tư liệu lịch sử về thời gian, lý do và cách thức xuất hiện tư liệu [20]”.

Lẽ tất nhiên chúng ta không thể coi các nhân vật có yếu tố lịch sử trong truyền thuyết là nhân

vật có thật, nhưng nó lại mang giá trị phản ánh lịch sử. Đó là bởi vì “người kể truyền thuyết không hướng tới mục đích phản ánh lịch sử xác thực mà chỉ mong muốn bổ sung những khoảng trống, những chỗ thiếu hụt trong chính sử... Vì thế nhà nghiên cứu cũng không nên truy tìm và chứng minh giá trị lịch sử của truyền thuyết mà cần đi tìm cấu trúc tự sự và hệ thống hình ảnh, biểu tượng của truyền thuyết” [1] (trang 65).

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu vẫn muốn đi tìm dấu vết ít nhiều phản ánh hiện thực ở truyền thuyết thời cổ đại. Ví dụ, Truyện Họ Hồng Bàng trong *Lĩnh Nam chích quái* kể về cội nguồn của dân tộc Việt bằng niềm tin tất cả mọi người con đất Việt đều sinh ra từ một bọc, đều là anh em cùng huyết thống do cha mẹ sinh ra; tuy mang dáng dấp của thần thoại sáng tạo ra loài người song lại không có những hình tượng kỳ vĩ. Nhưng cuộc hôn phối giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ là cuộc hôn phối giữa “rồng và tiên”, không chỉ khẳng định cội nguồn thiêng liêng của dân tộc Việt mà còn phản ánh tín ngưỡng vật tổ mà hiện nay vẫn còn dấu vết ở lễ hội cổ trên đất Luy Lâu qua trò “đóng lốt” ở làng Ngọc Xuyên [5].

Trong truyện Họ Hồng Bàng, Kinh Dương Vương là anh em cùng cha khác mẹ với Đế Nghi (người cai trị đất Bắc-Trung Quốc), có tài đi dưới thủy phủ, dùng nhạc để thắng yêu quái. Điều đó cho thấy Kinh Dương vương của truyền thuyết rất có thể là cái tên mà người đời sau dùng để tượng trưng tổ tiên của chủng tộc từ khi họ còn sinh tụ bằng nghề chài cá của miền châu Kinh và châu Dương và thờ giao long làm vật tổ [2].

Nhưng theo bản thần tích có tên *Cổ Việt Hùng thị nhất thập bát thánh vương ngọc phả cổ lục* (Ngọc phả cổ truyền mười tám đời thánh vương

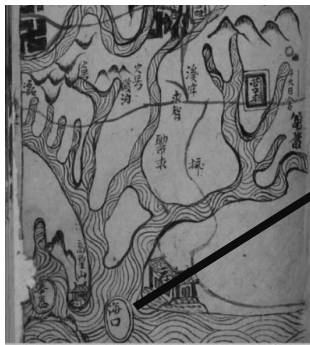
họ Hùng nước Việt xưa)<sup>vi</sup> của xã Hy Cương, tổng Xuân Lũng, huyện Sơn Vi, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, là nơi có đền miếu, lăng mộ vua Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh), Kinh Dương Vương lập đô ấp ở Hoan Châu (Nghệ An). Vì địa thế một bên là 199 ngọn núi (xưa gọi là Lam Đô, nay là Ngàn Hống - theo Nguyễn chú), một bên tiếp giáp với biển bên cửa Hội Thống, núi quanh co, sông uốn khúc, thế rồng cuộn hổ ngồi trùng trùng bốn phía xung quanh bèn xây dựng đô thành nằm ổn định bốn phương triều cống”. Sau khi đi tuần thú các nơi, Kinh Dương Vương đã lấy con gái vua Động Đình, sinh ra Lạc Long Quân. Sau này khi vua đi đến đất Phong Châu, thấy nơi đây phong cảnh núi non hùng vĩ, nơi hội tụ của các con sông, thế đất quý hơn cả thành cũ ở Hoan Châu nên đã lập đô ấp họ Việt Thường ở núi Nghĩa Lĩnh.

Không chỉ Ngọc phả Hùng Vương ghi thủ phủ của Kinh Dương Vương - Lạc Long Quân ở vùng biển Nghệ An, Hà Tĩnh hiện nay, mà điều này còn được xác định qua địa danh “Hải Môn” trong Truyện núi Tản Viên, sách *Lĩnh Nam chích quái*<sup>vii</sup>. Đoạn đầu truyện, ghi rằng: “Xưa, Lạc Long Quân lấy Âu Cơ có thai, sinh ra một bọc trong có trăm quả trứng. Bọc nở ra mỗi quả trứng một cậu con trai. Long Quân mang 50 người con về biển Đông, Âu Cơ mang 50 người con về hang núi cùng phân nhau cai trị thiên hạ, lấy hiệu là Hùng Vương. Đại Vương núi Tản viên là một trong 50 người con trai về biển Đông, ([không phải] là thần hạ khí của núi cao). Vương [35a] từ Hải Môn, qua Thần Phù Hải Khẩu trở về tìm nơi đất cao ráo, thoáng đãng, dân tục thuần phác để ở”.

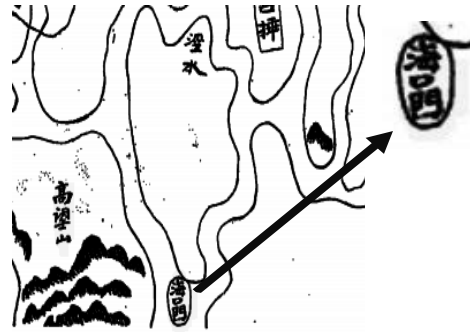
Khảo cứu cuốn *Thiên Nam lộ đồ*<sup>viii</sup> sao chép vào năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741) chúng tôi thấy có địa danh Hải Khẩu và đoạn ghi chép về địa

danh “Hải Khẩu” như sau: “Hải Khẩu sơ Hà Hoa, Hải Môn dã” 海口初河花海門也 (Hải Khẩu xưa là Hải Môn của huyện Hà Hoa). Như vậy, “Hải Môn” là tên gọi cũ của “Hải Khẩu”. Theo *Đại Nam nhất thống chí* (ĐNNSTC) thì Hà Hoa vốn đất đời Trần, thời thuộc Minh là Kỳ La, đời Lê là Kỳ Hoa, bản triều năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) đổi tên hiện nay” [4] (tức huyện Kỳ Anh). Như vậy “Hải Khẩu” là địa danh “Hải Môn” trước đây, chưa rõ được đổi từ bao giờ nhưng theo bản *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* cùng đồng với *Hồng Đức bản đồ* lưu trữ tại Đại học Hiroshima có địa danh “Hải Khẩu môn” (cửa Hải Khẩu), phía nam địa danh này có “Núi Cao Vọng” và “Vũng Áng” (nay thuộc huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh), có thể hiểu là cửa “Hải Khẩu”. Trong *Thiên nam tứ chí lộ đồ thư* A.2499 cũng ghi “Hải Khẩu môn” bên cạnh núi Cao Vọng. Như vậy, “Hải Môn” của thời Trần trong LNCQ A2914 chính là Hải Khẩu xuất hiện trong hai bản đồ thời Lê hiện lưu trữ ở Pháp, Nhật và Việt Nam [13].

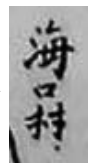
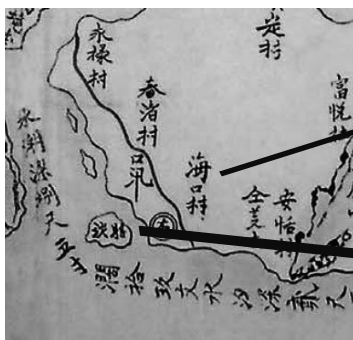
Xin xem các bản đồ dưới đây.



Thiên Nam lộ đồ (sao năm 1741, hiện lưu trữ tại Pháp). Ở giữa phía sát hoa văn sông biển là hai chữ Hải Khẩu 海口. Bên trái là núi Cao Vọng (Cao Vọng sơn 高望山), bên phải là miếu Chế Thắng phu nhân (tức miếu bà Bích Châu) còn gọi là miếu Bà Hải.



Bản Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (Bản của Đại học Hiroshima). Hải Khẩu môn (Cửa Hải khẩu ở giữa) và bên trái là núi Cao Vọng (Cao Vọng sơn)



Cửa Hải Khẩu

Đồng Khánh dư địa chí. Bên trái ghi Núi Cao Vọng (Cao Vọng Sơn), bên phải ghi "miếu" 廟 trong dấu tròn, cạnh đó là thôn Hải Khẩu (Hải Khẩu thôn 海口村), nay thuộc xã Kỳ Linh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.



Thôn Hải Khẩu

Cửa Hải Khẩu

Địa danh thôn Hải Khẩu (vòng tròn) và cửa Hải Khẩu, huyện Kỳ Linh, nay là Kỳ Anh, Hà Tĩnh (Theo mạng GPS)<sup>ix</sup>

Như vậy, “thủ phủ” của Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân qua truyện cổ và thần tích đã được xác định là vùng đất thuộc Hoan Châu (Nghệ An, Hà Tĩnh hiện nay). Lạc Long Quân lấy Âu Cơ là một sự kết hợp giữa một bên đại diện cho văn hóa miền biển và một bên là đại diện văn hóa đất liền [18]. Việc chia năm mươi người con trai theo cha về biển, năm mươi người con trai theo mẹ về núi Phong Châu thể hiện sự thống trị

khắp khu vực rộng lớn từ đất liền ra đến biển và từ biển vào đất liền của dòng dõi các vua Hùng nước Văn Lang.

Ngoài ra, hình ảnh con ngựa sắt và roi sắt trong truyện Đồng Thiên Vương được nhóm các nhà nghiên cứu về thời đại Hùng Vương kết nối với di vật khảo cổ học của các di chỉ Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun (Phú Thọ); Nỏ thần và mũi tên thần trong truyện Rùa vàng được

liên tưởng tới sự phát triển của thời đại kim khí người Việt... Mặc dầu vậy cũng khó có “con đường thẳng tắp từ truyền thuyết tới lịch sử đích thực [1] (trang 61)”. Tuy nhiên, cho dù thế nào thì việc khẳng định cội nguồn dân tộc Việt trong *Lĩnh Nam chích quái* không chỉ là niềm tự hào của cộng đồng mà còn chứa đựng “căn rễ sâu xa của hiện thực [1] (trang 227)”. Các truyện trong *Lĩnh Nam chích quái* sau trở thành tư liệu quý giá để Ngô Sĩ Liên sử dụng dựng lên thành phần Ngoại kỷ trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.

## 2.2. Truyện cổ trong lịch sử

Việc sử dụng truyện cổ như một nguồn sử liệu là hiện tượng phổ biến của các bộ sử thời trung đại. Ở Trung Quốc, khi chữ viết ra đời, người nơi đây đã ghi lại lịch sử của mình bằng văn tự. Mốc thời gian đó được gọi là thời đại lịch sử, còn trước đó là thời đại truyền thuyết. “Lịch sử của bất cứ dân tộc nào khi bắt đầu toàn là những sự kiện mờ mịt, nhiều mâu thuẫn. Đó là tình hình chung và không có cách nào khắc phục được của lịch sử dân tộc. Nhưng sau khi đã nói xong mọi câu chuyện truyền thuyết, vô luận thế nào, những truyền thuyết rất xa xưa đó về mặt lịch sử mà nói, đều có những yếu tố và hạt nhân đáng kể, chứ không phải bịa đặt hoàn toàn [9]”. Tuy nhiên, sử liệu truyền thuyết không được đề cao dẫn đến hiện tượng mất mát thần thoại, đó là “do các sử quan chỉ chú trọng ghi chép sự thật nên thần thoại và thuyết không được coi trọng [10]”. Song sự xuất hiện của các ông vua truyền thuyết như Nghiêu, Thuấn, Tam Hoàng, Ngũ Đế trong Kinh Thư - “chiếc cầu nối thời truyền thuyết với thời đại lịch sử” cho thấy lịch sử Trung Quốc vẫn có mối liên hệ chặt chẽ với truyền thuyết [1] (trang 61). Nhà nghiên cứu người Nga B.L. Riftin đã chỉ ra mối giao thoa giữa lịch sử và truyền thuyết khi

nghiên cứu bộ Tam quốc chí: “Tuy miêu tả cùng một biến cố như sử gia chính thức, truyền thuyết dân gian lại cấp cho chúng một cách thuyết minh khác, bằng cách xây dựng một cách khác những hình tượng của các nhân vật này [15]”.

Ở Nhật Bản những bộ sử đầu tiên biên soạn theo sắc lệnh của Thiên hoàng như Kojiki (Cổ sử ký - 712) và Nihongi (Nhật Bản kỷ - 720). Kojiki là bộ sử cổ nhất Nhật Bản hiện còn, được biên soạn theo sắc lệnh của Thiên hoàng Tenmu (Thiên vũ), là tập hợp các phá hệ của Thiên hoàng và cựu từ (lời nói xưa) của các thời đại trước, thu thập các sự kiện từ thuở khai thiên lập địa cho đến thời Thiên hoàng Suiko (Suy cổ), bao gồm rất nhiều thần thoại và truyền thuyết để ca ngợi sự nhất thống của Nhật Bản lấy Thiên hoàng làm trung tâm. Nhà nghiên cứu người Nga N.I. Konrat cho rằng: “Mặc dầu không còn hồ nghi về việc những tư liệu thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ trong Kojiki và Nihongi thuộc về thời cổ đại rất có thể kéo dài đến những thế kỷ IV - thế kỷ VI, thì trong những công trình này, chúng đã được hệ thống hóa, được đặt trên một cái phong biên niên sử và được sửa chữa theo cái nhìn của một học thuyết chính trị nhất định. Trong việc khai thác những tư liệu khác nhau và sửa chữa nó đều cho thấy sự hòa quyện của hai yếu tố khác biệt nhau: tư liệu nguyên gốc và sự võ đoán trong sáng tạo của người biên soạn [7]”. Do vậy, chúng ta không nghi ngờ gì việc các sử gia dùng truyền thuyết để đề cao vương quyền, muốn sắp xếp khuôn mẫu làm chuẩn mực cho việc trị nước hiện tại cũng như cho các vương quyền đời sau.

Nhà nghiên cứu người Pháp E.D. Sanunders khi nghiên cứu Thần thoại Nhật Bản đã cho rằng: “Mục đích của những người sưu tập là ca ngợi nhà vua và xây dựng cơ sở vững chắc cho cao vọng

của các triều đại. Vì thế huyền tích chép trong Kojiki bị sửa chữa rất nhiều để phục vụ cho mục đích thống nhất quốc gia. Các tác giả này quan niệm rằng, lịch sử là cơ sở của hành động, đồng thời là mẫu mực cho hiện tại. Như vậy Kojiki là một tuyển tập những huyền tích được đánh giá là xứng đáng truyền lại cho thế hệ sau [16].

Ở Việt Nam, bộ quốc sử *Đại Việt sử ký* do Lê Văn Hưu (1230-1322) biên soạn hoàn thành năm 1272 và *Việt chí* biên soạn vào cuối thời Lý (trương truyền Trần Tấn biên soạn); đến năm 1445 Phan Phu Tiên biên soạn cuốn đại *Việt sử ký tục biên*, và năm 1479 Ngô Sĩ Liên (1370-1482) biên soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* vốn được biên soạn từ cuốn *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu thời nhà Trần biên soạn năm 1272 và cuốn *Sử ký tục biên* của Phan Phu Tiên. Lẽ đương nhiên, các ghi chép sử thực chủ yếu từ các sách sử nhưng còn thấy rất nhiều truyện cổ và truyện kể dân gian được đưa vào. Khi biên soạn *Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngô Sĩ Liên ngoài việc đã “lấy hai bộ sách của tiên hiền ra, hiệu chỉnh và biên soạn lại, thêm vào một quyển Ngoại kỷ” [16], chép lịch sử từ họ Hồng Bàng cho đến hết đời An Dương vương. “Đây được coi là một cống hiến to lớn của Ngô Sĩ Liên. Với phần bổ sung này, thời đại mở nước còn mang tính chất nửa huyền thoại, nửa lịch sử bao gồm các đời Kinh Dương Vương - Lạc Long Quân - Hùng Vương - An Dương Vương lần đầu tiên được đưa vào quốc sử [8]”. Bản thân Ngô Sĩ Liên khi biên soạn Ngoại kỷ, chép các thần thoại và truyền thuyết vào đây cũng đã thận trọng đưa ra quan điểm của mình: “tin sách chẳng bằng không có sách, hãy tạm thuật lại chuyện cũ để truyền lại sự nghi ngờ mà thôi” (Ngoại kỷ, tờ 5a). Chính điều này đã giúp những truyền thuyết dân gian không

còn bị mất mát và được tiền nhân lưu giữ gửi lại cho hậu thế.

Những ghi chép trong sách *Lĩnh Nam chích quái* được ghi vào chính sử phần Ngoại kỷ đã lấp đầy khoảng trống trong cổ sử Việt Nam. Quốc sử tuy không ghi tên truyện, nhưng đối chiếu với các truyện trong *Lĩnh Nam chích quái* đã có thể hiểu đang nói về chuyện gì. Về kỷ Hùng Vương có truyện Họ Hồng Bàng, Kinh Dương Vương lấy con gái hồ Động Đình, sinh ra Lạc Long Quân; Lạc Long Quân lấy con gái của Đế Lai sinh ra trăm con trai trương truyền là thủy tổ của người Việt; thời Hùng Vương đất nước chia làm 15 bộ, sông nước nhiều để tránh giao long làm hại nên có tục xăm mình; thời Hùng Vương thứ 6 có giặc ngoại xâm, cậu bé lên ba bỗng chốc trở thành người anh hùng đánh tan quân giặc rồi cứ thế cưỡi ngựa bay lên trời xanh; đời Thành Vương nhà Chu, nước Việt sang hiến chim trĩ; truyện về Sơn Tinh và Thủy Tinh cùng cầu hôn con gái Hùng Vương, do mang sình lễ đến chậm mà Thủy Tinh không lấy được Mỵ Nương nên hằng năm dâng nước để đánh Sơn Tinh nhưng Sơn Tinh nhờ có pháp thuật nên đã thắng Thủy Tinh.

Sang kỷ An Dương Vương, Thục Phán nhiều lần đánh nhau với Hùng Vương đã lấy được nước Văn Lang. Nhờ có thần giúp sức mà Thục Phán đã diệt được yêu khí, xây dựng thành công thành con ốc gọi là Loa thành (nghĩa là thành con ốc), lại được thần cho nỏ thần để chống giặc ngoại xâm. Truyện người khổng lồ Lý Ông Trọng sang Tần đánh giặc Hung Nô, sau khi mất đi được đúc tượng lớn, bọn giặc Hung Nô tưởng Ông Trọng còn sống nên không dám xâm phạm bờ cõi. Câu chuyện Triệu Đà mưu lấy nước của Thục Phán An Dương Vương nên gả Trọng Thủy sang làm rể, đánh tráo nỏ thần khiến An Dương Vương phải

chịu thất bại đành chém chết con gái rồi cầm sừng tê bảy tấc đi vào lòng biển.

Khi đưa vào chính sử, Ngô Sĩ Liên còn bản thảo ít nhiều về mức độ đáng tin cậy của truyền thuyết. Nhưng sau cuộc chiến tranh chống giặc Minh xâm lược, thư tịch bị mất mát nhiều, phần thì do bị đốt cháy, phần thì bị mang về Trung Quốc. Cho nên sau khi giành thắng lợi, việc chấn hưng dân tộc rất cần phải tổ chức biên soạn một bộ sử bề thế, đặc biệt là phần Ngoại kỷ với mục đích nối dài quốc thống, đã thể hiện nhận thức về sự hình thành dân tộc của các sử gia phong kiến Việt Nam. Các nhà nghiên cứu đi trước cho rằng, khi sử dụng truyện cổ dân gian vào chính sử, các sử gia đã khảo cứu kỹ càng để chất lọc các giá trị lịch sử; vì thế tùy theo thái độ của sử gia mà nhiều chi tiết trong truyện cổ được sử dụng hoặc bị phê phán và phế bỏ.

Ngô Sĩ Liên cũng vậy, khi viết về Kỷ Hồng Bàng thị (Kỷ Họ Hồng Bàng), đoạn đầu cho đến “nước Xích Quỷ” đã kể lại hầu như không khác với *Lĩnh Nam chích quái*, nhưng đến đoạn Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, ông đã thay đổi không còn cho thấy cuộc tranh giành vợ giữa hai người đàn ông là Đế Lai và Lạc Long Quân và kẻ thất bại là người đến từ phương Bắc. Âu Cơ cũng không phải là ái thiếp mà là con gái của Đế Lai. Việc thay đổi tình tiết Âu Cơ cho đúng đạo lý nhân luân theo nhãn quan Nho giáo đó là “em không thể lấy chị dâu” đã được cố định hóa trong *Đại Việt sử ký toàn thư* khiến cho một số bản kể *Lĩnh Nam chích quái* sau này và phá hệ ghi sự tích về các đời vua Hùng ở thần tích chịu ít nhiều ảnh hưởng.

Tuy không tránh khỏi nhãn quan Nho giáo khi đưa truyện cổ và truyền thuyết dân gian vào chính sử, nhưng phần Ngoại kỷ của Ngô Sĩ Liên

đã có đóng góp rất lớn trong việc bù đắp những thiếu hụt về lịch sử giai đoạn khuyết sử của Việt Nam. Không những thế, ông còn lưu giữ được nhiều tình tiết hoang đường kỳ ảo của truyền thuyết để đưa vào quốc sử mà các sử gia sau này khi biên soạn các bộ sử khác, như bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* được biên soạn ở triều Nguyễn, đã thẳng tay gạt bỏ [1] (trang 136).

Cho dù còn có ý kiến khác nhau giữa các nhà nghiên cứu trong việc có coi truyền thuyết là sử liệu đáng tin cậy hay không, việc sử dụng truyền thuyết để dựng lại thời kỳ “khuyết sử” ở Việt Nam là một thực tế đã diễn ra tương tự như ở một số nước trong khu vực. Do khuôn khổ của bài viết, tác giả không bàn tới sự khác nhau trong việc sử dụng truyền thuyết để biên soạn quốc sử giữa các tác giả biên soạn sách sử, và không bàn tới một số hạn chế không tránh khỏi của Ngô Sĩ Liên do ảnh hưởng của Nho giáo và quan niệm chính thống khi sử dụng truyền thuyết để xây dựng nhân vật anh hùng.

### **3. Các nhân vật anh hùng được xây dựng từ cảm hứng lịch sử và niềm tin thiêng liêng - trọng tâm là *Lĩnh Nam chích quái***

#### **3.1. Nhân vật chống hạm họa tự nhiên**

Ở các truyện cổ giai đoạn đầu dựng nước của Việt Nam như *Lĩnh Nam chích quái*, tôn vinh các giá trị truyền thống của quốc gia là cảm hứng chủ đạo. Sự xuất hiện của các nhân vật thường gắn liền với việc tôn vinh những giá trị lịch sử của dân tộc, giá trị cộng đồng. Sự xuất hiện của những người anh hùng là để giải quyết nhiệm vụ cấp bách của lịch sử. Họ được xây dựng gắn liền với huyền thoại thời khởi thủy và truyền thuyết thời dựng nước, dưới lăng kính cảm xúc “thiên liêng”. Các nhân vật trong các



tác phẩm văn học giai đoạn đầu xây dựng bằng niềm tin thiêng liêng. Họ được đánh giá bằng “chuẩn mực giá trị cộng đồng”. Các nhân vật trong truyền thuyết thường được mô tả mang những đặc tính phi thường để có thể gánh vác những trọng trách lớn lao mà nhân dân giao phó.

Motif thiêng hóa thường được sử dụng để miêu tả nhân vật anh hùng theo công thức: sự ra đời kỳ lạ, chiến công phi thường và hóa thân (cái chết thần kỳ) thường xuất hiện trong các văn bản thần tích (lý lịch và công trạng của thần thánh được thờ ở các địa phương) do bộ Lễ hoặc những người đương thời biên soạn. Tuy nhiên, không phải truyện cổ nào cũng mang đầy đủ cả ba motif trên; Ở truyện cổ Việt Nam, sự ra đời của nhân vật thần kỳ thường được xây dựng với motif tình tiết thần kỳ về cha mẹ, hoặc mang một số đặc điểm dị thường khi mới sinh ra. Khi lớn lên nhân vật là những người tài năng khác với người thường; người mà quỷ thần cũng phải giúp đỡ hoặc sợ hãi. Với motif chiến công phi thường nhân vật thường được xây dựng với biểu hiện của motif sức mạnh và sự hỗ trợ của vật thiêng; đó là vũ khí để nhân vật chiến thắng kẻ thù và thảm họa tự nhiên mà cộng đồng hay dân tộc giao phó. Với motif hóa thân hay cái chết thần kỳ, nhân vật được xây dựng có sức sống trường tồn, bất tử với thời gian, có ảnh hưởng lớn đến đời sau.

Việt Nam là nước nhiệt đới gió mùa, nắng lắm mưa nhiều, sông ngòi dày đặc, vào mùa mưa nước sông dâng cao gây lũ lụt làm trôi hết cả nhà cửa, hoa màu, của cải của người dân, khiến cho rất nhiều người phải bỏ mạng. Vì thế từ xa xưa, người dân Việt Nam đã phải đắp đê để chiến đấu với lũ lụt. Truyền thuyết về chống lũ lụt lần đầu tiên được xuất hiện trong sách *Lĩnh Nam chích quái*. Truyền thuyết núi Tản Viên là truyền thuyết phản

ánh sự nghiệp trị thủy của người dân Việt Nam. Sơn Tinh vừa là con trai của Lạc Long Quân (là một trong năm mươi con trai theo cha về biển quay trở lại đất Phong Châu, được suy tôn là Tản Viên sơn thánh), vừa là tinh tú của núi cao tụ lại. Sơn Tinh là biểu tượng của tinh thần chống lũ lụt của người Việt cổ, được xây dựng với sức mạnh tự thân phi thường của nhân vật và sự hỗ trợ của phép lạ linh thiêng. Truyện kể Sơn Tinh và Thủy Tinh cùng cầu hôn con gái Mỵ Nương của vua Hùng. Sơn Tinh do mang sính lễ tới trước nên lấy được Mỵ Nương, Thủy Tinh đến sau không lấy được bèn oán hận tìm cách trả thù, hằng năm vào tháng 6 tháng 7 thường dâng nước lên tận núi để đánh Sơn Tinh.

Sơn Tinh là nhân vật được nhân dân tôn kính nên trong cuộc cạnh tranh với Thủy Tinh, Hùng Vương chỉ đưa ra yêu cầu những sản vật mà Sơn Tinh dễ có trong tay như “voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao”, nên Sơn Tinh đã có thể đưa sính lễ đến sớm và lấy được Mỵ Nương đưa về núi Tản. Thủy Tinh không thể dễ dàng có được sính lễ vì là người sống dưới nước, nên Thủy Tinh đã đến muộn và không thể lấy được Mỵ Nương. Sơn Tinh còn được xây dựng là nhân vật có sức mạnh bí ẩn không giới hạn, “chỉ núi núi lở, ra vào vách núi không có gì trở ngại”. Khi Thủy Tinh dâng nước lên cao, Sơn Tinh đã dùng phép “nước dâng đến đâu, núi cao đến đó”, cho nên Thủy Tinh đã thất bại.

Nhân vật Sơn Tinh chứa đựng sức mạnh của cộng đồng, được tôn vinh như người anh hùng trong cuộc chiến chống lũ lụt. Sơn Tinh được mô tả trên cơ sở vay mượn lối cường điệu hóa của thần thoại khiến cho nhân vật trở nên có sức mạnh vô biên, dù không liên quan mật thiết đến thần thoại nhưng nhân vật Sơn Tinh vẫn được

triển khai theo chiến công và hành động sáng tạo theo kiểu nguyên sơ của người anh hùng văn hóa tồn tại mang tính siêu tự nhiên, trở thành giá trị và quy phạm của xã hội.

### **3.2. Nhân vật trong truyện cổ chống giặc ngoại xâm**

Từ trước tới nay, Truyện cổ Rùa vàng (hay còn gọi là Truyện Rùa vàng) trong *Lĩnh Nam chích quái* được coi là truyền thuyết hấp dẫn nhất trong kho tàng truyền thuyết Việt Nam. Hấp dẫn bởi sự đan xen giữa cứ liệu sử học và cứ liệu dân tộc học để tạo thành tác phẩm văn học có giá trị. Tác phẩm còn lôi cuốn mọi người về tính nhiều chủ đề của câu chuyện, nhưng cũng là gây tranh cãi nhiều nhất giữa các nhà nghiên cứu về chủ đề “nêu cao bài học cảnh giác hay ca ngợi tình yêu chung thủy”.

Nội dung chính của câu chuyện kể về việc nhân vật An Dương Vương xây thành được thần linh (rùa vàng) giúp đỡ, sau khi xây thành xong lại được rùa vàng ban cho móng làm nỏ thần để tiêu diệt giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Triệu Đà sau nhiều lần không lấy được nước của An Dương Vương đã cho con trai là Trọng Thủy lấy My Châu và sang ở rể, nhờ đó mà đánh tráo nỏ thần. An Dương Vương không ngờ mưu mô của Triệu Đà nên đã thất bại, liền cưới ngựa đưa con gái chạy trốn. Ra đến bờ biển, được rùa vàng cho biết con gái là “giặc”, An Dương Vương bèn chém con gái và cùng rùa vàng đi vào lòng biển. Máu của My Châu được trai sò ăn vào hóa thành ngọc sáng. Trọng Thủy nhờ lông ngỗng do vợ rắc ra trên đường chạy trốn đã tìm đến bờ biển, sau khi biết vợ chết thương nhớ khôn nguôi liền mang thi thể vợ về Cổ Loa mai táng, xác nàng hóa thành đá ngọc, còn Trọng Thủy cũng lao đầu xuống

giếng mà chết. Người đời nói rằng nếu lấy nước giếng rửa, ngọc sẽ càng sáng thêm<sup>x</sup>.

Theo các nhà nghiên cứu Truyện cổ Rùa vàng (còn gọi là Truyện Rùa vàng) với chủ đề chính là đề cao nhân vật An Dương Vương, chuyện My Châu-Trọng Thủy chỉ là sự thanh minh cho thất bại của An Dương Vương, chủ đề thứ hai là tình yêu và chủ đề thứ ba là bài học cảnh giác [14]. Tác giả Trần Nghĩa dẫn các thư tịch cổ của Việt Nam và Trung Quốc để chứng minh câu chuyện là sự thẩm thấu từ nhiều nguồn đã gọi ra xu hướng: “xu hướng hóa truyền thuyết hóa nhân vật An Dương Vương từ các cứ liệu sử học và xu hướng cổ tích hóa câu chuyện My Châu - Trọng Thủy từ những cứ liệu dân tộc học để trở thành hình tượng mang tính văn học [1] (trang 239)”.

Các nhà nghiên cứu đã dựa vào truyền thuyết về Quy thành của Trung Quốc, Tô tem rùa và phong tục mặc áo lông ngỗng của người Tày (truyền thuyết người Tày), truyền thuyết về tài làm nỏ của người Cổ động man ở Nam Việt (sách *Việt kiều chí*), phong tục rửa ngọc trai ở nước giếng thành Khả Lũ (sách *An Nam chí lược*) để cho rằng Truyện Rùa vàng được hình thành từ nhiều nguồn, trong đó có cả sử liệu và tư liệu dân tộc học. Nhân vật An Dương Vương được truyền thuyết hóa theo hướng linh thiêng hóa việc xây thành và chế tạo vũ khí.

Còn tình yêu giữa My Châu và Trọng Thủy lại mang đậm chất thế sự và lần đầu tiên được thấy trong sách *Lĩnh Nam chích quái*. Việc đan xen nhiều mảng truyện sưu tầm từ dân gian để xây dựng thành câu chuyện vừa mang tính truyền thuyết vừa mang tính thế sự đã khiến câu chuyện trong *Lĩnh Nam chích quái* hấp dẫn hơn trong môi trường truyền miệng. *Lĩnh Nam chích quái*

chính là bước đi đầu tiên của xu hướng văn bản hóa truyện dân gian và xu hướng văn học hóa truyện dân gian. Truyện Rùa vàng với nhiều tình tiết hoang đường kỳ ảo từ truyền thuyết dân gian cũng được đưa vào trong sách *Đại Việt sử ký toàn thư* làm thành *Kỷ An Dương Vương*.

Trước nay nhân vật An Dương Vương thường được mô tả là vị vua yêu nước thương dân, có tài nhìn xa trông rộng, cho xây dựng thành kiên cố và chế tạo vũ khí để bảo vệ đất nước. An Dương Vương cũng là người yêu chuộng hòa bình, biết gìn giữ hòa hiếu bang giao, đồng ý cho con trai kẻ thù vào làm rể mà không chút nghi ngờ. Đó là tấm lòng bao dung khoan hòa của An Dương Vương, nhưng cũng chính là truyền thống ngàn đời của người dân Việt Nam đó là yêu chuộng hòa bình, không muốn xảy ra chiến tranh. An Dương Vương đã mất nước vì tin kẻ thù, đó là bài học đau xót cho dân tộc, nhắc nhở nhân dân Việt Nam không bao giờ được quên về bài học giữ nước mà cho đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị.

Các nhà nghiên cứu trước đây do tập trung quá nhiều vào nội dung dẫn đến mất nước của An Dương Vương và mối tình giữa My Châu và Trọng Thủy nên ít khai thác khả năng đặc biệt của ông trong việc trị ma quỷ. Năm 2012, trong bài viết *Thế giới quỷ thần trong truyện kể dân gian Việt Nam – so sánh với Kim tích vật ngữ tập và Suru thần ký* [12], chúng tôi đã dựa vào bài viết của Kono Kimiko trong sách *Nhật Bản linh dị ký và truyền thừa Trung Quốc* [6] để phân tích kiểu trị ma quỷ trong *Lĩnh nam chích quái* và một số truyện cổ khác của Việt Nam. Theo Kono, kiểu truyện đó gồm các chi tiết như: 1) Địa điểm ma quỷ thường xuất hiện; 2) Phương pháp trị ma quỷ - đấu trực tiếp với ma quỷ; 3) Ma quỷ lại tới (bao gồm cả motif đối đáp với quỷ); 4) Cách sử dụng đèn để bắt ma quỷ;

5) Lăn theo vết máu; 6) Ma quỷ hiện nguyên hình.

Nhân vật An Dương Vương trong *Truyện cổ Rùa vàng* cũng được dàn dựng theo công thức trên, nhưng không có mục 2 đấu trực tiếp với ma quỷ; cũng không có mục 4 dùng đèn để chiếu ma quỷ. Nhân vật An Dương Vương trong *Truyện cổ Rùa vàng* được mô tả kết hợp giữa trí tuệ của con người và sức mạnh của thần linh. Như trên đã trình bày, *Truyện cổ Rùa vàng* không chỉ chịu ảnh hưởng của truyền thuyết Quy thành trong các Hán tịch ra đời vào thời Tấn, Đường, Tống của Trung Quốc mà còn chịu ảnh hưởng của truyền thuyết dân gian. Vị vua như An Dương Vương được ca ngợi là những người có trí tuệ và năng lực siêu việt, họ được tôn như vị vua và người anh hùng trong việc cứu giúp để tránh tai họa cho đất nước. Các motif trị ma quỷ ở *Truyện cổ Rùa vàng* không chỉ thấy trong điểm tương đồng và dị biệt giữa truyện cổ Việt Nam với Nhật Bản mà còn thấy rất nhiều trong truyền thuyết về người anh hùng của thế giới.

Các nhân vật chống giặc ngoại xâm luôn được tôn vinh là những người anh hùng và cái chết của họ là bất tử. An Dương Vương “rẽ nước đi vào lòng biển”; Đổng Thiên Vương sau khi đánh tan giặc Ân đã cởi bỏ áo giáp cưỡi ngựa bay thẳng lên trời... Đúng như Bakhtin nhận xét: “Người ta xây dựng hình tượng là cho con cháu mai sau và hình tượng ấy được chế tác cho hiện tại (không kỳ vọng được tưởng nhớ) thì chỉ cần đất sét, ghi tạc hiện tại cho tương lai thì phải dùng cẩm thạch và đồng hun” [3]. Tức là phải dùng ngôn ngữ và hình ảnh thiêng liêng để xây dựng nhân vật nhằm lưu giữ muôn đời cho con cháu mai sau.

#### 4. Kết thúc

Như trên đã trình bày, bài viết đã làm sáng tỏ sự hình thành truyện cổ bắt đầu bằng việc sưu

tầm và ghi chép truyện kể dân gian. Cho dù vẫn còn tranh luận về “sự thực lịch sử” giữa các nhà nghiên cứu sử học và văn học nhưng vẫn thấy các câu chuyện của *Lĩnh Nam chích quái* được đưa vào *Đại Việt sử ký toàn thư*. Điều đó cho thấy cũng giống như các nước trong Khối văn hóa chữ Hán (Hán tự văn hóa quyển) Việt Nam cũng sử dụng truyện cổ cho việc biên soạn giai đoạn khuyết sử. *Lĩnh Nam chích quái* ra đời cho thấy nhận thức về sự hình thành dân tộc Việt Nam là một quá trình liên tục của việc khẳng định bản lĩnh dân tộc, của việc dựng nước và giữ nước trong áp lực mạnh mẽ và triền miên của nạn đồng hóa kè bên [1] (trang 227). Các nhân vật lịch sử đều được xây dựng từ cảm hứng lịch sử và niềm tin thiêng liêng. Các motif được xây dựng đều trở thành biểu tượng của dân tộc và nhân loại, và trở thành điểm chung với văn học của các nước.

[Bài viết được bổ sung và sửa chữa từ bài “Sự hình thành thuyết thoại Hán văn Việt Nam - tính lịch sử và cách kể truyện”, đăng trong *Sự hình thành thuyết thoại và những vấn đề xung quanh - Thiên văn học Trung - Cận thế*, do Kuramoto Kazuhiro, Komine Kazuaki và Furuhashi Nobuyoshi (chủ biên), 2019, NXB Rinsen shoten. Và được hoàn thành dưới sự tài trợ của quỹ NAFOSTED (đề tài mã số 602.06-2020)].

### Chú thích

<sup>i</sup> Ở Việt Nam, các tác phẩm thuộc loại hình truyện, ký, tạp thuật, tiệp ký (ghi nhanh), chí dị, truyền kỳ... có nội dung ngắn gọn, được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm trong văn xuôi tự sự trung đại, chưa có sự thống nhất về tên gọi thể loại. Tùy theo tiêu chí và cách lựa chọn tác phẩm mà có cách gọi khác nhau. Ví dụ: Truyện ký, Truyện cổ, Thần thoại, Chuyện thần quái, Chuyện vật, Văn tự sự, Truyện cổ dân gian, Tiểu thuyết chữ Hán, Truyện truyền

kỳ, Truyện ngắn trung đại; Truyện ký đoán thiên; Truyền thuyết dân gian... Các học giả nước ngoài cũng tùy từng tác phẩm mà có cách gọi khác nhau: Tiểu thuyết chữ Hán, Đoản thiên tiểu thuyết. Trong tình hình chưa thống nhất về tên gọi, chúng tôi sử dụng tên gọi “truyện cổ” với ý nghĩa “Truyện” là thể loại tự sự trong văn học và “cổ” là để chỉ các tác phẩm viết bằng chữ Hán, chữ Nôm trong văn học trung đại Việt Nam.

<sup>ii</sup> *Sưu thần ký* 搜神記: truyện chí quái, tác giả là Can Bảo người sống vào thời Đông Tấn.

<sup>iii</sup> *U quái lục* 幽怪錄: không rõ tác giả. Theo *Trung Quốc văn học đại từ điển* thì ở đời Đường không có tác phẩm này, không rõ bỏ sót hay không có.

<sup>iv</sup> Các chữ trong ngoặc kép là chữ lấy lại của tác giả Trần Nghĩa.

<sup>v</sup> Luy Lâu nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, thời Bắc thuộc, không chỉ là trung tâm chính trị, mà còn là trung tâm kinh tế - thương mại, trung tâm văn hóa - tôn giáo lớn và cổ xưa nhất của Việt Nam.

<sup>vi</sup> Thần tích xã Hy Cương, tổng Xuân Lũng, huyện Sơn Vi, tỉnh Phú Thọ, ký hiệu AE a9/31, hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

<sup>vii</sup> *Lĩnh Nam chích quái*, ký hiệu A.2914, hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Theo nghiên cứu của chúng tôi, đây là bản duy nhất phù hợp với mô tả của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú khi nói về sách này trong tác phẩm của mình. Xem thêm, Nguyễn Thị Oanh, 2005, Nghiên cứu văn bản Lĩnh Nam chích quái, Luận án Tiến sĩ ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.

<sup>viii</sup> Tài liệu hiện lưu trữ tại Pháp (vì lý do cá nhân nên không ghi số ký hiệu).

<sup>ix</sup> GPS là viết tắt của “global positioning system” (hệ thống định vị toàn cầu), thực chất là một mạng lưới bao gồm 27 vệ tinh quay xung quanh trái đất.

\* Nguyên văn: 仲始心怜夫婦之義，乃抱其屍而將回螺城，封墳葬之，遂化玉石。仲水懷抱媚珠還於粧沐浴之中處，想見媚珠身体，仲始乃投從下井底而死。後代之人欲求得明珠以此井水洗之愈光明。

### Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Thị An, (2014), Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam, NXB Khoa học Xã hội: 60, 65.
- [2] Đào Duy Anh, (1957), Lịch sử cổ đại Việt Nam, Nguồn gốc dân tộc Việt Nam từ Giao Chỉ đến Lạc Việt, Tập san Đại học Văn khoa.
- [3] Bakhtin, Mikhail, (1992), Lý luận và thi pháp tiểu thuyết, Phạm Vĩnh Cư tuyển chọn và dịch, Trường viết văn Nguyễn Du: 41.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2006), Đại Nam nhất thống chí, Người dịch Phạm Trọng Điềm; Hiệu đính Đào Duy Anh, Tập 2, NXB Thuận Hóa: 98-99.
- [5] Nguyễn Thị Huế, (1980), Người dân Hà Bắc kể chuyện Lạc Long Quân - Âu Cơ, Tạp chí văn học 4.
- [6] Kimiko, Kono, (1986), Nhật Bản linh dị ký và truyền thừa Trung Quốc, NXB Bensei, 河野貴美子、『日本靈異記』と中国の伝承』勉誠社.
- [7] Konrad, Ni.I., (1997), Văn học Nhật Bản từ cổ đến cận đại, Trịnh Bá Đĩnh dịch, NXB Đà Nẵng: 30.
- [8] Phan Huy Lê, (1993), Đại Việt sử ký toàn thư: Tác giả - Văn bản - Tác phẩm, Bài giới thiệu cuốn Đại Việt sử ký toàn thư, NXB Khoa học Xã hội: 23.
- [9] Lỗ Tấn, (2002), Lịch sử truyền thuyết Trung Quốc, Lương Duy Tâm dịch, Lương Duy Thứ hiệu đính. NXB Đại học Quốc gia.
- [10] (1997), Lịch sử văn học Trung Quốc, Bắc Kinh, Bản tiếng Việt do nhiều người dịch, Tập 1, NXB Giáo dục.
- [11] Trần Nghĩa, (1997), Tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam - Danh mục và Phân loại, Tạp chí Hán Nôm 3.
- [12] Nguyễn Thị Oanh, (2012), Thế giới quỷ thần trong truyện kể dân gian Việt Nam – so sánh với Kim tích vật ngữ tập và Suru thần ký, trong sách Kim tích vật ngữ tập ở Đông Á, Komine Kazuaki 小峯和明 chủ biên, NXB Bensei: 536-565 .
- [13] Nguyễn Thị Oanh, (2021), Một số vấn đề văn bản học Hán Nôm - qua nghiên cứu địa danh, Bài viết gửi Hội thảo Việt Nam học năm 2021 của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (đã được Hội thảo chấp nhận).
- [14] Hoàng Tuấn Phổ, (1961), Mấy ý kiến về truyện My Châu - Trọng Thủy, Tạp chí Nghiên cứu văn học 3.
- [15] Riftin, B.L., (2002), Sử thi lịch sử và truyền thống văn học dân gian Trung Quốc, Phan Ngọc dịch, NXB Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.
- [16] Saunders, E.D., (1963), Thần thoại Nhật Bản, Nguyễn Từ Chi dịch từ bản tiếng Pháp: “Thần thoại miền thảo nguyên, miền rừng và miền hải đảo”, Paris, Tài liệu đánh máy, Thư viện Viện Văn học, 29 trang, Ký hiệu DL/251.
- [17] Nguyễn Hữu Sơn, (2002), Loại hình tác phẩm Thần uyển tập anh, NXB Khoa học Xã hội: 6.
- [18] Taylor, Keith Weller, (2020), Việt Nam thời dựng nước, Thiều Khanh dịch, Nhã Nam - NXB Dân Trí: 20.
- [19] Bùi Quang Thanh, (1979), Về một thể loại văn học dân gian, Tạp chí Văn học 4: 131.
- [20] Tosh, John, (1984), The Pursuit of History: Aims, Methods and new Directions in the Study of Modern History, UK: Longman.